

Số: 102/BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 7 năm 2021

BÁO CÁO

Kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ của tỉnh Quảng Ngãi năm 2022

Thực hiện các Công văn: số 718/BKHCN-KHTC ngày 31/3/2021, số 1761/BKHCN-KHTC ngày 02/7/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ về xây dựng kế hoạch khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2022, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và dự toán ngân sách khoa học và công nghệ năm 2022 như sau:

A. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2021

I. Đánh giá tình hình thực hiện chính sách về KH&CN và đổi mới sáng tạo

- Ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 18/01/2021 triển khai thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Phê duyệt kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 476/QĐ-UBND ngày 31/3/2021.

- Thực hiện các cơ chế, chính sách về công nghệ và sở hữu trí tuệ, UBND tỉnh Quảng Ngãi trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua các Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp hoạt động đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; quy định nội dung và mức chi hỗ trợ tổ chức, các nhân, doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ; quy định nội dung và mức hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa

II. Đánh giá kết quả hoạt động KH&CN và ĐMST

1. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ KH&CN

- Thực hiện quản lý 45 nhiệm vụ KH&CN (gồm 22 nhiệm vụ chuyển tiếp từ năm 2019 sang 2020; 10 nhiệm vụ năm 2020 và 13 nhiệm vụ năm 2021).

- Tổ chức Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN năm 2020 đối với 10 nhiệm vụ KH&CN

cấp tỉnh.

- Đề xuất nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh bắt đầu thực hiện năm 2021 gồm 78 nhiệm vụ. Tổ chức họp Hội đồng tư vấn, xét duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN và UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh thực hiện năm 2021, gồm 13 nhiệm vụ¹.

- Tổ chức nghiệm thu 08 nhiệm vụ KH&CN²; Quyết định công nhận và chuyển giao kết quả 08 nhiệm vụ KH&CN đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị khai thác sử dụng³.

- Thành lập và tổ chức họp Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia thuộc Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025, bắt đầu thực hiện năm 2021 đối với 02 nhiệm vụ và đối với 01 nhiệm vụ bắt đầu thực hiện năm 2022⁴.

¹ (1) Xây dựng mô hình phát triển du lịch cộng đồng dựa vào hệ sinh thái đất ngập nước ở Khu kinh tế Dung Quất và vùng phụ cận; (2) Thực nghiệm mô hình trồng, chế biến, tiêu thụ dược liệu ngũ vị tử theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi; (3) Thực nghiệm mô hình trồng, chế biến và tiêu thụ dược liệu đương quy theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi; (4) Khảo sát, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp, mô hình can thiệp sớm bệnh động mạch vành trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (5) Ứng dụng đồng bộ các giải pháp KH&CN phục vụ canh tác, chế biến và tiêu thụ ớt hàng hóa theo chuỗi giá trị tại huyện Bình Sơn và vùng phụ cận; (6) Ứng dụng KH&CN khai thác, phát triển sản phẩm măng vót theo chuỗi giá trị ở các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi; (7) Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm gừng sê bản địa theo chuỗi giá trị tại các huyện miền núi tỉnh Quảng Ngãi; (8) Ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình thực hành nông nghiệp tốt trên một số cây trồng có giá trị kinh tế cao để nâng cao nhận thức và năng lực canh tác của người dân tại tỉnh Quảng Ngãi; (9) Hỗ trợ ứng dụng kết quả nghiên cứu KH&CN phát triển nhanh các giống lúa đã được chọn tạo theo chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; (10) Ứng dụng KHCN phục vụ nuôi chế biến cá thát lát theo chuỗi giá trị tại các hồ đập lớn ở tỉnh Quảng Ngãi; (11) Ứng dụng KHCN thực nghiệm mô hình nuôi kết hợp tôm thẻ chân trắng với sá sùng tại Quảng Ngãi; (12) Ứng dụng KHCN sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh từ nguồn nguyên liệu ở địa phương để phát triển chăn nuôi bò thịt tại tỉnh Quảng Ngãi; (13) Ứng dụng đồng bộ các giải pháp KHCN phát triển sản phẩm chè Trà Nham theo chuỗi giá trị.

² (1) Đề tài “Ứng dụng CNTT thí điểm xây dựng mô hình quản lý, vận hành hệ thống tưới nước tự động trên một phần diện tích tưới của kênh NVC2 thuộc hệ thống kênh chính Nam Thạch Nham tại xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi”; (2) đề tài “Chọn tạo và phát triển một số giống lúa mới ngắn ngày có năng suất cao, phẩm chất gạo tốt phục vụ sản xuất để tăng thu nhập cho nông dân Quảng Ngãi và một số tỉnh khu vực miền Trung”; (3) đề tài “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp khắc phục các nhược điểm của tường xây bằng gạch xi măng cốt liệu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”; (4) đề tài “Nghiên cứu bảo tồn và phát triển vùng ớt xiêm rừng tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi”; (5) Nhiệm vụ “Nghiên cứu lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống cây quế bản địa Trà Bồng tại Quảng Ngãi và đánh giá kết quả bảo tồn”; (6) đề tài “Điều tra, đánh giá nguồn lợi giống cá diá và xây dựng qui trình ương cá diá từ cỡ hạt dưa lên cá giống trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”; (7) đề tài “Nghiên cứu xác định thành phần dinh dưỡng từ các bộ phận cây lá gai xanh (*Boehmeria* spp.) để làm cơ sở cho việc chế biến thực phẩm, thức ăn gia súc và phân hữu cơ vi sinh” và (8) dự án “Xây dựng, quản lý và phát triển chi dẫn địa lý hành-tỏi Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi”.

³ (1) Dự án “Quản lý và phát triển NHCN chè Minh Long”; (2) Đề tài: “Phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở Đảng các xã ven biển, hải đảo tỉnh Quảng Ngãi trong phát triển kinh tế gắn với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc”; (3) đề tài: “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động phòng cháy, chữa cháy ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”; (4) Đề tài “Chọn tạo và phát triển một số giống lúa mới ngắn ngày có năng suất cao, phẩm chất gạo tốt phục vụ sản xuất để tăng thu nhập cho nông dân Quảng Ngãi và một số tỉnh khu vực miền Trung”; (5) “Sưu tầm, dịch thuật, phân loại và đánh giá tư liệu Hán Nôm ở Quảng Ngãi”; (6) đề tài “Nghiên cứu bảo tồn và phát triển vùng ớt xiêm rừng tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi”; (7) đề tài “Điều tra, đánh giá nguồn lợi giống cá diá và xây dựng qui trình ương cá diá từ cỡ hạt dưa lên cá giống trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi”; (8) Nhiệm vụ “Nghiên cứu lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống cây quế bản địa Trà Bồng tại Quảng Ngãi và đánh giá kết quả bảo tồn”.

⁴ (1) Đề tài “Nghiên cứu khai thác và phát triển nguồn gen giống gà H’Re ở tỉnh Quảng Ngãi”; (2) Dự án “Ứng dụng công nghệ sinh học sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh thúc đẩy phát triển nông nghiệp sạch tại tỉnh Quảng Ngãi”; (3) Dự án “Ứng dụng KHCN xây dựng mô hình chuỗi liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm lạc ở huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi”.

- Tổ chức họp hội đồng KH&CN tư vấn xác định nội dung danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ đột xuất cấp thiết bổ sung thực hiện năm 2021 đối với nhiệm vụ: “Tuyển chọn, nhân nhanh một số giống sản mới kháng bệnh khảm lá, năng suất cao phục vụ canh tác sản bền vững tại tỉnh Quảng Ngãi”.

- Ban hành Quy định về trình tự, trách nhiệm tiếp nhận, mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp

- Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ-TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tập trung chuyển giao, nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ, phát triển các sản phẩm công nghiệp có lợi thế của tỉnh.

- Tập trung nghiên cứu, phát triển, chuyển giao ứng dụng công nghệ hiện đại để tiến tới hình thành các ngành công nghiệp mới, công nghiệp có công nghệ cao, như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, các ngành tự động hóa; phát triển công nghiệp năng lượng sạch, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng thân thiện với môi trường.

- Tiếp tục xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu ứng dụng KH&CN, làm chủ và đưa công nghệ mới, kỹ thuật số vào sản xuất kinh doanh, áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng và xác lập quyền sở hữu công nghiệp, phát triển tài sản trí tuệ, tạo ra các sản phẩm có chất lượng, có giá trị gia tăng cao, cụ thể:

+ Chương trình KH&CN hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới thiết bị, công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

+ Chương trình KH&CN phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

+ Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 (Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ) trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Phát triển tiềm lực KH&CN

UBND tỉnh giao Sở Khoa học và Công nghệ lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với 03 dự án đầu tư phát triển tiềm lực, gồm: Văn phòng hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi; Đầu tư nâng cao năng lực hoạt động Trại Nghiên cứu thực nghiệm và Chuyển giao công nghệ; Nâng cao năng lực thông tin và thống kê KH&CN.

4. Phát triển doanh nghiệp KH&CN, thị trường KH&CN và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo

a) Phát triển doanh nghiệp KH&CN

Thực hiện sửa đổi, bổ sung 01 Giấy chứng nhận doanh nghiệp KHCN, cấp mới cho 01 doanh nghiệp được chứng nhận là doanh nghiệp KH&CN.

b) Phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo

- Tổ chức học tập kinh nghiệm về xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại Huế và Quảng Bình.

- Tham gia trưng bày sản phẩm khởi nghiệp tỉnh tại Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Nam.

- Tổ chức 3 lớp tập huấn về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho sinh viên tại 3 trường: Trường Đại học Phạm Văn Đồng, Trường Đại học Tài chính Kế toán, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh phân hiệu Quảng Ngãi. Các sinh viên được học lý thuyết về phương pháp tìm kiếm ý tưởng và đi thực tế để thực hành phương pháp tìm kiếm, phát triển ý tưởng tại các cơ sở, doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tổ chức 2 lớp tập huấn về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho đội ngũ tư vấn cấp độ 2, 01 lớp tập huấn cho đội ngũ cố vấn năm 2021, 1 lớp tập huấn cho các cá nhân tham gia cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo lần thứ 3 của tỉnh. Lớp tập huấn nâng cao nhận thức và cung cấp những kỹ năng cần thiết về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho đội ngũ tư vấn và cố vấn của tỉnh, các kiến thức cơ bản để nâng cao kỹ năng thuyết trình, hoàn thiện sản phẩm.

- Tổ chức Cuộc thi “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi” lần thứ 3 - năm 2021 với chủ đề “Sáng tạo - phát triển nguồn tài nguyên bản địa”.

- Thành lập CLB khởi nghiệp tỉnh Quảng Ngãi. Trong thời gian qua, CLB khởi nghiệp đã tổ chức nhiều hoạt động có ý nghĩa, góp phần xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh bao gồm các hoạt động định kỳ như: Chợ phiên khởi nghiệp, cà phê đổi mới sáng tạo, CEO talk và các hoạt động khác như: Hội thảo nâng cao năng lực cho các CLB khởi nghiệp trên địa bàn tỉnh, Hội thảo vai trò của doanh nghiệp trong hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST, hỗ trợ tư vấn pháp lý cho các doanh nghiệp khởi nghiệp, hỗ trợ kết nối giao thương cho nhiều sản phẩm khởi nghiệp.

- Thực hiện tuyên truyền hoạt động khởi nghiệp trên các kênh facebook, cổng thông tin khởi nghiệp tỉnh Quảng Ngãi.

- Tổ chức diễn đàn khởi nghiệp cho học sinh các trường phổ thông trung học và tổ chức Cuộc thi tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp trong học sinh sinh viên.

c) Quản lý công nghệ, thị trường công nghệ

- Thẩm định và có ý kiến về công nghệ, thiết bị cho 70 dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017.

- Xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp hoạt động đổi mới công nghệ trên

địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Chương trình hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp đổi mới công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

- Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ vũ trụ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Kế hoạch Giám sát công nghệ, thiết bị của dự án đầu tư Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất và Quy chế Giám sát công nghệ, thiết bị của dự án đầu tư Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất.

- Thông báo cho các doanh nghiệp tham gia các sự kiện kết nối cung cầu công nghệ, trình diễn, tư vấn cung cầu công nghệ để giúp các doanh nghiệp tìm kiếm, tiếp cận, tạo môi trường thuận lợi kết nối cung cầu công nghệ, có 06 doanh nghiệp tham gia.

5. Công tác an toàn bức xạ và hạt nhân, sở hữu trí tuệ

a) An toàn bức xạ và hạt nhân

- Phối hợp với Công ty TNHH MTV ứng dụng và phát triển công nghệ NEAD thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức lớp đào tạo an toàn bức xạ năm 2021 cho 53 học viên đang làm việc tại các tổ chức hoạt động bức xạ trong và ngoài tỉnh.

- Hướng dẫn cho 14 cơ sở sử dụng thiết bị X-quang trong y tế xây dựng hồ sơ đề nghị cấp phép hoạt động theo đúng quy định, đạt 100% kế hoạch năm, cấp 12 giấy phép tiến hành công việc bức xạ cho các cơ sở đủ điều kiện hoạt động.

- Kiện toàn thành viên Ban Chỉ huy ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

- Kế hoạch tổ chức Diễn tập ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2021, với kịch bản ứng phó sự cố mất nguồn phóng xạ trên địa bàn tỉnh nhằm rút ra kinh nghiệm ứng phó và luôn trong tư thế sẵn sàng trong công tác ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới để đảm bảo an toàn, an ninh nguồn phóng xạ góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

b) Sở hữu trí tuệ

- Hướng dẫn cho 50 doanh nghiệp thực hiện thủ tục đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá.

- Cho phép sử dụng tên địa danh để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm don, đường phèn, mắm nhum, ổi, chanh...

- Xây dựng các video và thủ tục bảo hộ nhãn hiệu hàng hoá và tuyên truyền đến trên 5000 cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhân ngày sở hữu trí tuệ thế giới 26-4.

- Trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ và nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Chương trình hỗ trợ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

6. Quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng

- Hoạt động tiếp nhận công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy:

+ Thực hiện tiếp nhận 03 hồ sơ công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

+ Thực hiện tiếp nhận 11 hồ sơ công bố hợp chuẩn đối với các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, quá trình, môi trường phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng.

+ Thực hiện tiếp nhận và xác nhận 14 hồ sơ doanh nghiệp đăng ký kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Thực hiện khảo sát chất lượng sản phẩm, hàng hóa đang lưu thông trên địa bàn tỉnh đối với 12 mẫu thực phẩm. Đã gửi thử nghiệm tại Trung tâm Ứng dụng và dịch vụ KHCN.

- Giải thưởng Chất lượng Quốc gia (GTCLQG): Tiếp nhận bản đăng ký tham dự GTCLQG năm 2021 của 04 doanh nghiệp (Công ty TNHH chế biến thủy sản Tấn Thành, Công ty CP Phân hữu cơ Humic Quảng Ngãi, Công ty CP Kết cấu thép Đại Dũng Miền Trung, Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn). Thành lập Hội đồng đánh giá hồ sơ gửi Hội đồng quốc gia.

- Triển khai Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ:

+ Thực hiện báo cáo kết quả triển khai việc xây dựng, chuyển đổi, áp dụng HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017 – 2020.

+ Kiểm tra việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

+ Tổ chức 02 khóa đào tạo “*Duy trì, cải tiến, đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước*”.

- Cập nhật các TCVN, QCVN mới được ban hành; TCVN bị hủy bỏ; các văn bản mới ban hành về Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng; các thông tin cảnh báo của các nước thành viên WTO để chọn lọc và đăng tải lên bản tin TBT nhằm hỗ trợ hoạt động tiếp cận thị trường xuất khẩu cho doanh nghiệp. Hoàn thành 02 Bản tin Thông báo và hỏi đáp về tiêu chuẩn đo lường chất

lượng và hàng rào kỹ thuật trong thương mại đăng website của Sở Khoa học và Công nghệ.

7. Thông tin và thống kê KH&CN

Trong những năm qua, hoạt động thông tin và thống kê KH&CN đã tập trung tuyên truyền, quảng bá hoạt động KH&CN; các nhiệm vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, trong đó chú trọng hoạt động ứng dụng tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp. Đến nay đã thực hiện hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, các ấn phẩm thông tin KH&CN được hoàn thành và phát hành đúng tiến độ, đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu thông tin đến bạn đọc và người dân trong tỉnh, với một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Xuất bản 06 số/năm Bản tin “Thông tin Khoa học và Công nghệ”.
- Thực hiện 24 số/năm chuyên mục "Khoa học, Công nghệ và đời sống" phát trên sóng phát thanh và truyền hình, Đài PT-TH Quảng Ngãi.
- Quản trị và cập nhật thông tin trang thông tin hàng năm khoảng 150 tin, bài, văn bản; quản trị và cập nhật Cổng thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi, hàng năm khoảng 300 tin, bài, văn bản.
- Thực hiện phóng sự tuyên truyền về An toàn bức xạ và hạt nhân; chương trình hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Quảng Ngãi nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên sóng phát thanh, truyền hình tỉnh.
- Thực hiện các phim tư liệu phục vụ cho hoạt động như phim tư liệu về kết quả hoạt động KH&CN 5 năm (2011-2015); phim tư liệu quyền sở hữu công nghiệp; phim tư liệu về quyền sở hữu công nghiệp đối với doanh nghiệp Quảng Ngãi - Thực hiện hoàn thành đề tài cơ sở “Xây dựng cơ sở dữ liệu nguồn nhân lực khoa học và công tỉnh Quảng Ngãi”.
- Hoàn thành báo cáo thống kê KH&CN hàng năm.
- Thực hiện công tác thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Gửi thông tin về kết quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ hàng năm cho Cục Thông tin KH&CN Quốc gia; Cấp giấy chứng nhận kết quả đề tài, dự án nghiệm thu hàng năm.

8. Tình hình phân bổ và kết quả thực hiện dự toán ngân sách cho hoạt động KH&CN

DVT: triệu đồng

Năm	Kinh phí TW giao		Kinh phí được UBND tỉnh duyệt		Kinh phí thực hiện	
	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp KH&CN	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp KH&CN	Đầu tư phát triển	Sự nghiệp KH&CN
2021	-	30.455	7.300	29.519	7.300	29.519

III. Đánh giá chung

1. Kết quả thực hiện

Thời gian qua, hoạt động khoa học và công nghệ luôn nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo từ Bộ Khoa học và Công nghệ. Hoạt động khoa học và công nghệ bám sát Nghị quyết của Tỉnh ủy, Kế hoạch của UBND tỉnh giai đoạn 2021-2025 và năm 2021 tập trung xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện.

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN tập trung hướng vào phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, gắn với xây dựng nông thôn mới. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp đã giữ vai trò quan trọng và là động lực cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng bền vững. Bước đầu đã tổ chức triển khai các dự án ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ từ khâu sản xuất, chế biến đến tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Bên cạnh đó, hoạt động khoa học xã hội và nhân văn đã kịp thời cung cấp cơ sở khoa học cho việc hoạch định các chính sách, giải pháp giải quyết các vấn đề thực tiễn xã hội đặt ra trên địa bàn tỉnh trong giai đoạn hiện nay.

Công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng được chú trọng tăng cường tổ chức thực hiện, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo kế hoạch đề ra; đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, hàng hóa, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh. Công tác triển khai áp dụng ISO hành chính công tại các cơ quan hành chính nhà nước trong tỉnh đã dần đi vào nề nếp và nhận được sự quan tâm thực hiện của các cơ quan hành chính nhà nước, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại theo hướng công khai, minh bạch và hoạt động có hiệu quả theo mục tiêu chương trình cải cách hành chính chung của tỉnh.

Công tác thẩm định công nghệ đã thực hiện đảm bảo đúng quy định, góp phần hạn chế đầu tư công nghệ lạc hậu vào địa bàn tỉnh.

Công tác quản lý an toàn bức xạ được tăng cường, thủ tục hành chính trong lĩnh vực an toàn bức xạ (cấp phép cho thiết bị X-quang trong y tế) thực hiện đảm bảo thời gian quy định. Nhìn chung, đa số các cơ sở sử dụng thiết bị X-quang trong y tế đều có Giấy phép khi hoạt động, chấp hành tốt công tác bảo đảm an toàn bức xạ trong quá trình hoạt động; thực hiện tốt công tác kiểm định thiết bị, kiểm xạ môi trường tại đơn vị đúng quy định; nhân viên bức xạ, người phụ trách an toàn đều được đào tạo theo quy định.

Hoạt động quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi trong năm qua đã đạt được nhiều kết quả. Công tác hướng dẫn doanh nghiệp trong việc xác lập quyền sở hữu công nghiệp được thực hiện thường xuyên. Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật về sở hữu trí tuệ được chú trọng triển khai. Cùng với công tác tuyên truyền nâng cao nhận

thức, công tác thực thi quyền sở hữu trí tuệ cũng được thực hiện thường xuyên ở các cơ quan chuyên môn.

Hoạt động xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo được triển khai bước đầu đã tạo được nhận thức về khởi nghiệp sáng tạo trong thanh niên, sinh viên, phụ nữ, ... góp phần thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

Công tác thanh, kiểm tra đã có sự điều chỉnh kịp thời theo yêu cầu của thực tiễn và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm. Nội dung thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào những nội dung, lĩnh vực như tiêu chuẩn đo lường chất lượng xăng dầu; vàng trang sức, mỹ nghệ; an toàn bức xạ và an ninh nguồn phóng xạ; sở hữu trí tuệ, nhãn hàng hóa; đề tài, dự án khoa học công nghệ... để phòng ngừa và phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, đồng thời kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục những bất cập, sơ hở trong quản lý, trong ban hành chính sách, pháp luật; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trên địa bàn, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Tồn tại, nguyên nhân

Bên cạnh kết quả đạt được, hoạt động KH&CN trên địa bàn tỉnh còn những hạn chế như: Tiềm lực KH&CN trên địa bàn tỉnh còn thiếu, chưa có những tổ chức KH&CN đủ mạnh cũng như các nhà khoa học đầu ngành trong các lĩnh vực. Phần lớn doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn tỉnh là các loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ, dẫn đến việc tiếp cận và tham gia các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của nhiều doanh nghiệp còn hạn chế.

B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH KH&CN NĂM 2022

I. Định hướng, nhiệm vụ chủ yếu kế hoạch KH&CN năm 2022

Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH&CN phù hợp với Kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ tỉnh giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế và Kế hoạch số 156/KH-UBND ngày 12/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Kết luận số 52-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Nghị quyết 52/NQ-TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, Nghị quyết 50/NQ-CP ngày 17/4/2019 của Chính phủ về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Kết luận số 06-KL/TW ngày

01/9/2016 của BCH Trung ương về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW của Ban Bí thư khóa IX Trung ương về đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; các chỉ tiêu về phát triển khoa học và công nghệ xác định tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XX. Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2021 - 2025 của UBND tỉnh. Năm 2022 tập trung các nhiệm vụ sau:

1. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ

Cơ cấu lại các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế, văn hóa-xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh đã được xác định tại Kế hoạch số 151/KH-UBND ngày 09/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thực hiện Kết luận số 50-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

2. Triển khai các Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo giai đoạn 2021-2025, gồm:

- Xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
- Chương trình phát triển tài sản trí tuệ.
- Chương trình hỗ trợ đổi mới thiết bị, công nghệ.
- Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa
- Chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016-2025.
- Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học công nghệ và tổ chức khoa học công nghệ.

3. Tổ chức thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước khác

- Hỗ trợ xây dựng và triển khai thực hiện các dự án KH&CN nhằm ứng dụng các kết quả KH&CN; tăng cường quản lý hoạt động KH&CN các cấp; trang bị cơ sở vật chất, bố trí nhân lực đáp ứng yêu cầu quản lý KH&CN ở địa phương.

- Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh thông qua các hoạt động tuyên truyền, đào tạo, tập huấn, tổ chức cuộc thi ý tưởng sáng tạo, hỗ trợ ươm tạo doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Tập trung thanh tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng; an toàn bức xạ và hạt nhân, an ninh nguồn phóng xạ; thanh tra các chương trình đề tài, dự án KH&CN.

- Công tác quản lý công nghệ, an toàn bức xạ: Tập trung hiện tốt công tác thẩm định công nghệ; Kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; tổ chức chặt chẽ việc khai báo và quản lý số liệu tại các cơ sở bức xạ; thẩm định và cấp phép sử dụng thiết bị bức xạ.

- Công tác Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: Tổ chức kiểm tra về chất lượng, đo lường, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với các mặt hàng thuộc phạm vi quản lý, kiểm định phương tiện đo, kiểm nghiệm mẫu đáp ứng kịp thời những nhu cầu của xã hội, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

II. Dự toán ngân sách nhà nước cho hoạt động KH&CN năm 2022

- Dự toán kinh phí sự nghiệp KH&CN năm 2022: 48.078 triệu đồng.

- Dự toán kinh phí đầu tư phát triển KH&CN năm 2021: 20.000 triệu đồng.

(Phụ lục kèm theo)

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Vụ Kế hoạch - Tài chính (Bộ KH&CN);
- Vụ phát triển KH&CN địa phương (Bộ KH&CN);
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- VPUB: CVP, PCVP(VX), CBTH;
- Lưu: VT, KGVX_{lmc596}.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục I
Biểu TK1-1

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
NĂM 2020 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Số TT	Nội dung	Đơn vị chủ trì, Tác giả	Tóm tắt nội dung	Ghi chú
I	Ân phẩm khoa học			
1	Sách chuyên khảo “Di sản Hán Nôm ở Quảng Ngãi các loại hình và giá trị đặc trưng”	- Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh Quảng Ngãi. - Tác giả: Nguyễn Đăng Vũ.	Sách chuyên khảo gồm các phần: Lời ngỏ, Mở đầu, Kết luận, Phụ lục. Tập sách còn được chia làm 9 chương, gồm: Chương I: Quảng Ngãi và tổng quan về di sản Hán Nôm ở Quảng Ngãi; Chương II: Sắc phong; Chương III: Chiếu, chỉ và bằng cấp; Chương IV: Hoàng phi, liên đới; Chương V: Gia phả; Chương VI: Văn bia; Chương VII: Đất đai và địa bạ; Chương VIII: Di sản Hán Nôm ở Quảng Ngãi – những giá trị đặc trưng; Chương IX: Thực trạng và một số giải pháp bảo tồn. Trong các chương này, các tác giả chú trọng đến các vấn đề: Sự hình thành di sản Hán Nôm ở Quảng Ngãi; các loại hình tư liệu Hán Nôm tiêu biểu và đặc biệt là các giá trị đặc trưng, với phần viết tương đối khá kỹ về những giá trị đặc trưng của di sản Hán Nôm ở Quảng Ngãi.	- Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội. - Quyết định xuất bản số: 325/QĐ-NXB KHXH, ngày 18/12/2020. ISBN: 978-604-308-921-3
II	Các loại giống mới			
1	3 giống lúa QNg128, QNg6, QNg13	- Đơn vị chủ trì: Trung tâm Giống		
IV	Hoạt động ứng dụng đổi mới công nghệ điển hình			
1	Dầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ cắt ống kim loại	Công ty TNHH Xây Sàn	Dự án được đầu tư hệ thống máy cắt ống Laser của hãng JQ laser – Trung Quốc sản xuất năm 2020 (model FLT6016L). Hệ thống thiết bị này sẽ thay	Tổng kinh phí thực hiện dự án:

		xuất và Thương Phước An	thế cho Hệ thống thiết bị cắt ống kim loại thủ công (máy cắt đá, máy cắt đĩa kim loại, máy cắt đĩa hợp kim, máy cửa vòng, máy mài, máy mài nằm, máy đột dập), được sản xuất từ năm 2003.	1.920.000.000 đồng
2	Đầu tư đổi mới dây chuyền công nghệ sơn ngói trong Nhà máy gạch ngói không nung Bình Sơn	Công ty TNHH Xây lắp và Thương mại AMC	Dự án được đầu tư hệ thống dây chuyền sơn ngói màu do Công ty TNHH Vững Tiến Hải Phòng cung cấp, lắp đặt sản xuất năm 2020 (model VT2-5000). Hệ thống thiết bị này sẽ thay thế cho Hệ thống thiết bị sơn ngói thủ công (máy nén khí, máy phun sơn cầm tay), xuất xứ Đài Loan, được sản xuất từ năm 2018.	Tổng kinh phí thực hiện dự án: 875.000.000 đồng
3	Đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và năng lực sản xuất sản phẩm tại nhà máy chế biến thủy sản Tấn Thành	Công ty TNHH chế biến thủy sản Tấn Thành	Dự án được đầu tư hệ thống máy cấp đông nhanh bởi máy nén trực vít 2 cấp của hãng Mycom - Nhật Bản sản xuất trong năm 2019. Hệ thống thiết bị này sẽ thay thế cho Hệ thống thiết bị cấp đông bằng máy nén Piston 2 cấp hiệu Mycom 62B, môi chất lạnh gas R22, được sản xuất từ năm 1997	Tổng kinh phí đầu tư là: 6.357.692.924 đồng

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 1
Biểu TK1-2KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NỔI BẬT
NĂM 2020 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
1	Đề tài KH&CN: Chọn tạo và phát triển một số giống lúa mới ngắn ngày, có năng suất cao, phẩm chất gạo tốt phục vụ sản xuất đề tăng thu nhập cho nông dân Quảng Ngãi và một số tỉnh khu vực Miền Trung	Quyết định số QĐ số1038/QĐ-UBND ngày 02/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc Phê duyệt triển khai thực hiện các đề tài, dự án Khoa học và Công nghệ năm 2017 (đợt 1)	<p>* Ý nghĩa khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là công trình nghiên cứu có hệ thống, các kết quả nghiên cứu của đề tài là nguồn dữ liệu khoa học trong công tác chọn tạo giống lúa mới phù hợp với địa phương và vùng DHNTB sau này. Đồng thời, là nguồn tài liệu tham khảo cho công tác nghiên cứu, phổ biến kiến thức, tập huấn kỹ thuật, đào tạo, giảng dạy ...; - Các giống lúa được công nhận sản xuất thử là sản phẩm của đề tài sẽ là nguồn vật liệu tốt làm giống bố mẹ để lai tạo các giống lúa mới sau này cho tỉnh; - Ngoài các giống được công nhận sản xuất thử còn có các vật liệu dòng/ giống khác để tiếp tục nghiên cứu phát triển giống mới sau khi kết thúc đề tài; - Đội ngũ làm công tác nghiên cứu khoa học được nâng cao trình độ trong quá trình thực hiện đề tài. <p>* Ý nghĩa thực tiễn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài xác định các giống lúa mới phù hợp tại địa phương sẽ giúp cho tỉnh chủ động nguồn giống tại chỗ thay thế dần các giống lúa cũ kém hiệu quả, góp phần sản xuất lúa của tỉnh tăng tình ổn định và bền vững hơn; - Góp phần đảm bảo an ninh lương thực cả về số lượng và chất lượng khi giống được lưu hành đưa vào sản xuất; - Các giống lúa mới và biện pháp kỹ thuật canh tác kèm theo sẽ phát huy hết tiềm năng, hiệu quả sản xuất của từng vùng sinh thái lúa của tỉnh. Giảm thiểu sử dụng thuốc Bảo vệ thực vật, bảo vệ môi trường. Góp phần chuyển đổi nhận thức, trình độ thâm canh, tăng thu nhập cho bà con nông dân; - Giống lúa có chất lượng gạo tốt, cơm ngon được xác định trong đề tài sẽ càng được nâng cao giá trị lúa gạo của địa phương khi áp dụng các qui trình sản xuất lúa hướng VietGAP, hướng an toàn... <p>* Hiệu quả của đề tài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài đạt kết quả về khoa học công nghệ nêu trên đã mang lại hiệu quả ở các mặt 	

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	Hiệu quả kinh tế xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
2	Đề tài KH&CN: Nghiên cứu bảo tồn và phát triển vùng Ớt xiêm rừng tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Quyết định số 1525/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt trình khai thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ năm 2018 (đợt 1)	<p>kinh tế xã hội. Đối với kinh tế, qua mô hình trình diễn, giống lúa mới cho năng suất vượt hơn giống đối chứng từ 11,8 – 12,5 %, lợi nhuận hơn sản xuất giống cùng loại từ 3,66 - 7,30 triệu đ/ha/vụ khi áp dụng vào đồng ruộng;</p> <p>- Đối với xã hội: Các giống lúa mới trên đã góp phần tăng thu nhập cho bà con nông dân trồng lúa trong tỉnh và khu vực; góp phần ổn định, bền vững nghề sản xuất lúa, né tránh, hạn chế thiệt hại do thiên tai nhất là thời tiết cực đoan thường xuyên xảy ra trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay. Đồng thời, với chất lượng gạo tốt, cơm ngon, thơm, các giống lúa mới đã tạo ra sản phẩm gạo phù hợp thị hiếu tiêu dùng thị trường hiện nay, giúp cho sản phẩm lúa gạo của tỉnh có sức cạnh tranh trong tiêu thụ nội và ngoài tỉnh. Khi giống được lưu hành giúp tỉnh chủ động cơ cấu giống phù hợp để khai thác các vùng trồng lúa của tỉnh, chủ động nguồn giống tại chỗ với giá hợp lý, hạn chế phụ thuộc nguồn giống ngoài tỉnh;</p> <p>- Nâng cao được năng lực đội ngũ cán bộ, đề tài còn đào tạo 01 thạc sĩ chuyên ngành để phục vụ cho công tác nghiên cứu KH- CN sau này cho tỉnh.</p> <p>- Kết quả của đề tài góp phần bảo tồn giống Ớt Xiêm rừng đang trên đà bị thoái hóa ở huyện Sơn Hà tỉnh Quảng Ngãi, lựa chọn và xây dựng được vườn cây trội nhằm lưu giữ giống tại địa phương. Bên cạnh đó, sẽ tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện quy trình từ nhân giống, trồng, chăm sóc, thu hái và chế biến Ớt theo hướng sản xuất nông nghiệp an toàn, thương mại hóa sản phẩm Ớt Xiêm rừng trên thị trường nhằm phát triển Ớt Xiêm rừng một cách hiệu quả và bền vững.</p> <p>- Nâng cao được giá trị của Ớt Xiêm Sơn Hà bởi sản phẩm được sản xuất với quy mô hàng hóa, được cơ quan chức năng chứng nhận</p> <p>- Góp phần thực hiện chủ trương chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp và phát triển nông nghiệp bền vững.</p> <p>- Nâng cao hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác.</p> <p>- Sản phẩm chế biến từ Ớt Xiêm Sơn Hà đã được bảo hộ, tạo điều kiện cho người dân phát triển và mở rộng diện tích sản xuất để cung cấp nguồn đầu vào cho quá trình chế biến, mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân và góp phần thúc đẩy sản xuất hàng hóa trên địa bàn.</p> <p>- Đề tài được thực hiện xuất phát từ yêu cầu của thực tiễn sản xuất và sẽ góp phần bảo tồn và phát triển sản xuất Ớt Xiêm rừng theo hướng hàng hóa. Xây dựng và phát triển</p>	

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
3	Dự án KH&CN: Xây dựng, quản lý và phát triển chi dẫn địa lý tòi Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Quyết định số 2171/QĐ-UBND ngày 05/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt triển khai các đề tài, dự án khoa học và công nghệ năm 2018 (đợt 2)	<p>thương hiệu Ớt Xiêm rừng Sơn Hà trên thị trường, tạo ra một sản phẩm đặc sản cho vùng núi tỉnh Quảng Ngãi, mặt khác còn nâng cao hiệu quả kinh tế trong sản xuất nông nghiệp, góp phần xóa đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới.</p> <p>* Hiệu quả về khoa học: Dự án đã có những hoạt động nghiên cứu: - Nghiên cứu về tính chất, chất lượng, đặc thù của tòi Lý Sơn so với tòi vùng khác. - Nghiên cứu về mối quan hệ tương quan giữa tính chất, chất lượng tòi Lý Sơn với điều kiện tự nhiên (đất đai, thời tiết,...) và kỹ thuật canh tác tòi truyền thống. - Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng lớp dữ liệu trắc địa, bản đồ (bản đồ nền, bản đồ hiện trạng, bản đồ quy hoạch sử dụng đất, bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ thủy văn, bản đồ sinh khí cây tòi, bản đồ khoanh vùng chỉ dẫn địa lý) của huyện đảo Lý Sơn.</p> <p>Những kết quả nghiên cứu trên đã áp dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu khoa học (hóa phân tích trong phòng thí nghiệm, các hàm toán học t-test, phương sai Anova, HD Turkey, tương quan hồi quy tuyến tính, các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin, v.v...) mang tính chất hàn lâm hiện đại đã cho những kết quả có hàm lượng khoa học và thực tiễn ứng dụng cao, khẳng định tính khoa học, tính chính xác, độ tin cậy của kết quả dự án và sẽ là cơ sở khoa học tham khảo, ứng dụng vào những hoạt động của các dự án tương tự trên địa bàn tỉnh trong tương lai sau này.</p> <p>* Hiệu quả về xã hội: - Góp phần quan trọng trong việc bảo vệ danh tiếng, uy tín chất lượng của một loại sản phẩm đặc trưng của huyện đảo Lý Sơn và tỉnh Quảng Ngãi dựa trên cơ sở khoa học về nghiên cứu tính chất, chất lượng, đặc thù của tòi Lý Sơn và CDDL tòi Lý Sơn đã được chứng nhận bảo hộ trên toàn quốc. - Các căn cứ pháp lý được dự án soạn thảo và cấp có thẩm quyền (UBND huyện Lý Sơn) ban hành về quản lý, khai thác, sử dụng, kiểm soát chất lượng, canh tác và kinh doanh tòi Lý Sơn mang CDEL là cơ sở góp phần hạn chế tòi đa việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm tòi giả mạo thương hiệu tòi Lý Sơn và bảo vệ tốt quyền lợi người tiêu dùng. - CDDL tòi Lý Sơn và các quy định quản lý có liên quan góp phần kêu gọi các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm tòi theo chuỗi giá trị, liên kết</p>	

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	Hiệu quả kinh tế-xã hội (Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
4	Dự án KH&CN: Ứng dụng khoa học công nghệ cải tạo đàn trâu địa phương bằng phương pháp Thu tinh nhân tạo với giống trâu Murrah	Quyết định số QĐ số 1525/QĐ-UBND ngày 06/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt triển khai thực hiện các đề tài, dự án khoa học và	<p>sản xuất – tiêu thụ, mở rộng thị trường từ đó nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm đặc trưng tòi Lý Sơn. Thông qua chuỗi giá trị và liên kết sẽ tác động đến việc ổn định sản xuất tòi của người dân, tăng thu nhập cho người trồng và kinh doanh tòi, góp phần thực hiện chính sách Tam nông (nông nghiệp, nông dân, nông thôn); thực hiện thắng lợi những chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới, Xóa đói giảm nghèo bền vững trên huyện đảo trong tương lai gần.</p> <p>* Hiệu quả về kinh tế:</p> <p>Khi chứng nhận chi dẫn địa lý tòi Lý Sơn được đưa vào khai thác sử dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh tại huyện sẽ mang lại hiệu quả không nhỏ mà có thể dự báo, khái toán được như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông thường khi một sản phẩm có thương hiệu được bảo hộ cấp quốc gia thì sản phẩm đó sẽ có giá trị tăng thêm từ 10-20%, trong trường hợp tòi Lý Sơn là đặc sản danh tiếng duy nhất tại Việt Nam thì giá trị gia tăng có thể là 20% so với sản phẩm cùng loại trước đó - Sản lượng tòi hàng năm của huyện khoảng 2000 tấn tòi khô, 90% sản lượng đưa vào thị trường (1.800 tấn), giá tòi thị trường biến động trên dưới 70.000đ/kg tòi thông thường, thì giá trị tăng thêm khi sử dụng CDLDL là 14.000đ/kg (70.000đ x 20%) tương đương giá trị tăng thêm hàng năm cho sản phẩm tòi Lý Sơn mang CDLDL là 25,2 tỷ đồng/năm (14.000đ/kg x 1.800 tấn). <p>Hiệu quả kinh tế mang lại từ kết quả sử dụng CDLDL là vô cùng lớn đối với đời sống của người dân trồng và chế biến kinh doanh tòi trên huyện đảo.</p> <p>* Hiệu quả về khoa học:</p> <p>Ứng dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo (TTNT) cho trâu bằng tinh đông lạnh giống trâu Murrah đạt hiệu quả kinh tế khá cao, lần đầu tiên áp dụng tại Quảng Ngãi;</p> <p>Tạo ra được đàn trâu lai trong thời gian ngắn, thích nghi tốt với điều kiện môi trường chăn nuôi tại địa phương;</p> <p>Trâu lai có khả năng tăng khối lượng từ 15 -20 % so với trâu nội, chất lượng thịt cũng cao hơn.</p> <p>Áp dụng phương pháp TTNT có thuận lợi vì chi cần mua tinh trâu Murrah và thực hiện phối giống, nhờ đó chi phí đẻ phối giống thấp hơn so với chi phí nuôi trâu đực giống, giảm được giá thành, cạnh tranh được với các sản phẩm cùng loại. Mặt khác,</p>	

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...) công nghệ năm 2018	(Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)	Ghi chú
			<p>Hiệu quả kinh tế-xã hội</p> <p>(Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)</p> <p>Ứng dụng kỹ thuật TTNT cho trâu bằng tinh đông lạnh giống trâu Murrah có thể triển khai trên diện rộng cùng một thời điểm, rút ngắn thời gian cũng như chi phí đầu tư ban đầu.</p> <p>Giải pháp TTNT bằng tinh đông lạnh giống trâu Murrah là hướng đi đúng và phù hợp với điều kiện, khả năng hiện nay của tỉnh, mở ra hướng đi mới trong chiến lược cải thiện, nâng cao tầm vóc đàn trâu của tỉnh.</p> <p>* Hiệu quả về kinh tế:</p> <p>Nâng cao năng suất và hiệu quả kinh tế trong chăn nuôi trâu, tăng thu nhập cho nông hộ, góp phần xoá đói giảm nghèo.</p> <p>Khối lượng sơ sinh trung bình trâu nghé lai Murrah (40 kg) cao hơn trâu nghé địa phương (22 kg) tăng 150%;</p> <p>Một con nghé lai Murrah 24 tháng tuổi có khối lượng trung bình 270-300 kg. Nghé lai nội tại Quảng Ngãi 24 tháng tuổi khoảng 170-180kg. Như vậy, khối lượng nghé lai F1 24 tháng tuổi hơn khối lượng nghé nội cùng độ tuổi khoảng 100-120kg; Giá mua trâu nghé hiện nay khoảng 80.000-90.000đồng/kg hơi. Như vậy, chênh lệch giữa nghé lai Murrah và Nghé nội khoảng 8.000.000-9.600.000 đồng/con.</p> <p>* Hiệu quả về xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết quả dự án góp phần xây dựng chính sách phát triển chăn nuôi trâu trong giai đoạn hiện nay. - Góp phần chuyển dần chăn nuôi trâu từ phương thức quảng canh như hiện nay sang chăn nuôi bán thâm canh với mục đích sản xuất hàng hoá. - Góp phần thực hiện thành công: Định hướng phát triển giống vật nuôi đến năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 3748/QĐ-BNN-KH ngày 15/9/2015 về việc phê duyệt định hướng phát triển giống cây trồng, vật nuôi đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2015 - 2020 và Quyết định 628/QĐ-SNNPTNT ngày 29/10/2015 của Sở Nông nghiệp và PTNT Ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Tái cơ cấu ngành chăn nuôi theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2015-2020. 	

STT	Tên sản phẩm/ công trình/công nghệ	Xuất xứ (Ghi rõ xuất xứ của nhiệm vụ ...)	<p style="text-align: center;">Hiệu quả kinh tế-xã hội</p> <p>(Giải trình chi tiết giá trị làm lợi so sánh với sản phẩm công nghệ cùng loại, ý nghĩa kinh tế xã hội, môi trường...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua dự án giải quyết được lao động nông nhà, nâng cao thu nhập. - Thay đổi nhận thức của người dân, từng bước áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới vào chăn nuôi trâu. <p>* Hiệu quả về môi trường:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cải thiện nâng cao hiệu quả chăn nuôi và giảm thiểu sự ô nhiễm môi trường nông thôn thông qua việc áp dụng các biện pháp tiến bộ khoa học công nghệ như xử lý chất thải và vệ sinh môi trường nông thôn, mô hình chuồng trại phù hợp trong điều kiện đất hẹp và mật độ nuôi ngày càng cao. - Thúc đẩy việc tận dụng đất đai trồng cỏ và các phụ phẩm nông nghiệp, sử dụng nhiều phân hữu cơ từ chăn nuôi trâu, tạo điều kiện làm tăng màu xanh và cải thiện màu mỡ cho đất, góp phần sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, hạn chế ô nhiễm môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. - Thay đổi ý thức của người nông dân về sử dụng phương pháp chăn nuôi có kiểm soát để bảo vệ môi trường. 	Ghi chú

NHÂN LỰC VÀ TỔ CHỨC KH&CN

Số TT	Tên tổ chức nghiên cứu – phát triển	Số giấy phép đăng ký hoạt động KH&CN và cơ chế hoạt động	Nhân lực hiện có đến 30/6/2021						Kinh phí chi thường xuyên theo chức năng từ NSNN năm 2021 (tr.đ)	Ghi chú (công lập/ngoài công lập)
			Tổng số	Trong đó hưởng lương SNKH				Trợ lý nghiên cứu/Kỹ thuật viên		
				Tổng số	Nghiên cứu viên cao cấp/Kỹ sư cao cấp	Nghiên cứu viên chính/Kỹ sư chính	Nghiên cứu viên/Kỹ sư			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(11)	
I	Các đơn vị do cấp tỉnh quyết định thành lập									
1	Trung tâm Trắc địa và Quan trắc Môi trường tỉnh Quảng Ngãi	Số 05/CN-SKH&CN ngày 29/11/2010	22	22	-	-	17	05	1.030	-Công lập; - Tự chủ về tài chính.
2	Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ KH&CN	Số 01/CN-SKH&CN ngày 29/4/2011	30	30	-	-	28	02		Công lập
3	Trung tâm Nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao	Số 02/GCN-SKH&CN ngày 03/6/2011	11	11	-	-	10	01		Ngoài công lập
4	Trung tâm CNTT và Truyền thông Quảng Ngãi	Số 03/GCN-SKH&CN ngày 25/8/2011	16	16	-	-	12	04		Công lập
5	Trung tâm Gióng Quảng Ngãi	Số 02/GCN-SKH&CN ngày 08/11/2013	25	25	-	-	20	5		-Công lập; -Tự chủ về tài chính.
6	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và	Số 01/GCN-SKH&CN ngày	6	6	-	-	5	1		Công lập

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KH&CN
NĂM 2020 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021**

Số TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kết quả đạt được (số lượng)	
			Năm 2020	6 tháng đầu năm 2021
I	Số nhiệm vụ KH&CN được triển khai		26	19
1	Lĩnh vực tự nhiên	N.vụ	01	01
2	Lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ	N.vụ	05	02
3	Lĩnh vực nông nghiệp	N.vụ	16	12
4	Lĩnh vực y, dược	N.vụ	04	04
5	Lĩnh vực xã hội	N.vụ	0	0
6	Lĩnh vực nhân văn	N.vụ	0	0
II	Công tác đánh giá, thẩm định, giám định và chuyên giao công nghệ			
1	Thẩm định/có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư	DA	60	26
2	Thẩm định hợp đồng chuyên giao công nghệ	HĐ	-	-
3	Giám định công nghệ	CN	-	-
III	Công tác phát triển năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ hạt nhân			
1	Số nguồn phóng xạ kín		60	61
-	Số nguồn phóng xạ được lắp đặt mới	Nguồn	12	2
-	Số nguồn phóng xạ đã qua sử dụng	Nguồn	-	-
2	Số thiết bị bức xạ được lắp đặt mới		5	8
-	Trong lĩnh vực Y tế	Thiết bị	5	8
-	Trong lĩnh vực Công nghiệp	Thiết bị	-	-
-	Trong An ninh hải quan	Thiết bị	-	-
3	Lượng đồng vị, dược chất phóng xạ được sử dụng trong Y tế	Curie (Ci)	-	-
4	Thẩm định công nghệ các dự án đầu tư ứng dụng bức xạ và đồng vị phóng xạ	Dự án	-	-
5	Thẩm định hợp đồng chuyên giao công nghệ bức xạ và đồng vị phóng xạ	Hợp đồng	-	-
6	Hướng dẫn hồ sơ cấp phép cho các cơ sở	Cơ sở	16	10
7	Thẩm định, cấp phép hoạt động cho các cơ sở đạt tiêu chuẩn An toàn bức xạ	Giấy phép	14	8
IV	Công tác Sở hữu trí tuệ			
1	Số hồ sơ hướng dẫn các tổ chức, cá nhân xác lập và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ	Hồ sơ	50	35
2	Số đơn nộp đăng ký	Đơn	177	66
3	Số văn bằng được cấp	Văn bằng	76	32
4	Số vụ xử lý xâm phạm quyền sở hữu công	Vụ	5	0

	nghiệp			
5	Số các dự án phát triển tài sản trí tuệ được hỗ trợ	DA	2	
6	Số sáng kiến, cải tiến được công nhận	SK		
V	Công tác thông tin và thống kê KH&CN			
1	Bổ sung, phát triển nguồn tài liệu (tài liệu giấy, tài liệu điện tử, cơ sở dữ liệu trực tuyến, ...)	Tài liệu/biểu ghi/CSDL		
2	Ấn phẩm thông tin đã phát hành	Ấn phẩm, phút		
2.1	<i>Tạp chí/bản tin KH&CN</i>	Tạp chí/bản tin		
2.2	<i>Phóng sự trên đài truyền hình</i>	Buổi phát		
3	Xây dựng CSDL (CSDL mới, cập nhập biểu ghi trong CSDL, số hóa tài liệu đưa vào CSDL, ...)	CSDL/biểu ghi/trang tài liệu		
4	Thông tin về nhiệm vụ KH&CN			
4.1	<i>Nhiệm vụ KH&CN đang tiến hành</i>	N.vụ		
4.2	<i>Nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký kết quả thực hiện</i>	N.vụ		
4.3	<i>Nhiệm vụ KH&CN được ứng dụng</i>	N.vụ		
5	Thông kê KH&CN			
5.1	<i>Số cuộc điều tra/ số phiếu thu được tương ứng</i>	<i>Số cuộc/số phiếu</i>		
5.2	<i>Báo cáo thống kê cơ sở</i>	<i>Báo cáo</i>		
5.3	<i>Báo cáo thống kê tổng hợp</i>	<i>Báo cáo</i>		
6	Kết quả khác (nếu nổi trội)			
VI	Công tác tiêu chuẩn – đo lường – chất lượng			
1	Số phương tiện đo được kiểm định	Phương tiện		
2	Số lượng Tiêu chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Tiêu chuẩn		
3	Số lượng Quy chuẩn kỹ thuật mới được áp dụng	Quy chuẩn		
4	Số đơn vị hành chính nhà nước đã công bố áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, ISO 9001:2015	Đơn vị	0	0
5	Số cuộc kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Cuộc	4	0
6	Số mẫu được thử nghiệm và thông báo kết quả	Mẫu		
VII	Công tác thanh tra			
1	Số cuộc thanh tra	Cuộc	08	03
2	Số lượt đơn vị thanh tra	Đơn vị	101	54
3	Số vụ vi phạm phát hiện xử lý (nếu có)	Vụ	14	04
4	Số tiền xử phạt (nếu có)	Trđ	140,5	50
VIII	Hoạt động đổi mới công nghệ			

1	Số nhiệm vụ hỗ trợ đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp do các bộ, tỉnh/thành phố trực thuộc TW phê duyệt	N.vụ	4	
2	Số doanh nghiệp có hoạt động đổi mới công nghệ	Doanh nghiệp	4	
3	Số doanh nghiệp có hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm	Doanh nghiệp		
4	Số công nghệ được chuyển giao, đưa vào ứng dụng	Công nghệ		
5	Số hợp đồng chuyển giao công nghệ được thực hiện	HĐ		
6	Tổng giá trị hợp đồng chuyển giao công nghệ	Tr.đ		
IX	Công tác sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN			
1	Bổ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
2	Thăng hạng đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ	Người		
3	Kéo dài thời gian công tác	Người		
4	Trọng dụng nhà khoa học đầu ngành	Người		
5	Trọng dụng nhà khoa học trẻ tài năng	Người		
6	Trọng dụng nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng	Người		
X	Công tác hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp KH&CN			
1	Hỗ trợ và hình thành phát triển doanh nghiệp KH&CN	Doanh nghiệp		
2	Thành lập cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Cơ sở		
3	Hỗ trợ cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, các nhóm nghiên cứu mạnh được ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN tại các cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đối tượng thành lập doanh nghiệp KH&CN	Đối tượng		
5	Hỗ trợ các tổ chức khoa học và công nghệ công lập chưa chuyển đổi thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Đơn vị		
XI	Công tác phát triển thị trường KH&CN			
1	Giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN trên thị trường	Tr.đ		
2	Tỷ trọng giao dịch mua bán tài sản trí tuệ trên giá trị giao dịch mua bán các sản phẩm và dịch vụ KH&CN	%		
XII	Hỗ trợ Hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia			
1	Số doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hình thành (doanh nghiệp có khả năng tăng	Doanh nghiệp	02	

	trường nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới)			
2	Số lượng dự án khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Dự án		
3	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp ĐMST được hỗ trợ	Doanh nghiệp		
4	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tham gia gọi vốn được từ các nhà đầu tư mạo hiểm, thực hiện mua bán và sáp nhập/tổng giá trị	Doanh nghiệp/ tổng giá trị		
5	Số lượng các tổ chức ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp ĐMST	Tổ chức	0	02

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 1
Biểu TK1-6VĂN BẢN VỀ KH&CN ĐƯỢC BAN HÀNH
NĂM 2020 VÀ 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2021

Số TT	Tên văn bản	Ngày tháng ban hành	Cơ quan ban hành		
			Tỉnh ủy	HDND	UBND
1	Quyết định số 133/QĐ-UBND ngày 30/01/2020 về việc phê duyệt danh mục các đề tài khoa học và công nghệ triển khai thực hiện năm 2020 (đợt 2)	30/01/2020			x
2	Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 về việc phê duyệt triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2020 (đợt 1)	15/4/2020			x
3	Quyết định số 972/QĐ-UBND ngày 03/7/2020 về việc phê duyệt triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2020 (đợt 2).	03/7/2020			x
4	Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 25/9/2020 về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai thực hiện năm 2021	25/9/2020			x
5	Quyết định số 476/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025	31/3/2021			x
6	Quyết định 476/QĐ-UBND ngày 31/3/2021 Ban hành Kế hoạch phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021-2025	31/3/2021			x
7	Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 về việc phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ đợt xuất cấp thiết bổ sung thực hiện năm 2021	17/5/2021			x
8	Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 10/01/2020 về việc phê duyệt kinh phí đối ứng thực hiện đề tài khoa học và công nghệ cấp quốc gia, bắt đầu thực hiện từ năm 2020 đối với đề tài "Nghiên cứu đề xuất giải pháp khoa học và công nghệ phát triển sản bền vững tại tỉnh	10/01/2020			X

	Quảng Ngãi và vùng phụ cận”				
9	Quyết định số 530/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 về việc phê duyệt kinh phí đối ứng thực hiện dự án “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết bền vững trong sản xuất lúa giống xác nhận và gạo chất lượng cao đạt tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Quảng Ngãi”	14/4/2020			X
10	Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 15/4/2020 về việc phê duyệt triển khai thực hiện 07 nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2020 (đợt 1)	15/4/2020			X
11	Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 18/5/2020 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ	18/5/2020			X
12	Kế hoạch số 271-KH/TU ngày 27/3/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư	27/3/2020	X		
13	Quyết định số 1380/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 về việc phê duyệt Kế hoạch hoạt động triển khai ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2021 - 2025.	17/9/2020			X
14	Quyết định số 36/2020/QĐ-UBND ngày 07/01/2020 của chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2020-2025	07/01/2020			X
15	Công văn số 4666-CV/TU ngày 31/8/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi	31/8/2020	X		

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 1
Biểu TK1-7**KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN
CƠ CHẾ KHOẢN ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ KH&CN 05 NĂM 2016-2020**

Số nhiệm vụ triển khai 05 năm 2016-2020		
Tổng số	Khoán đến sản phẩm cuối cùng	Khoán từng phần
Cấp Tỉnh	01	25
Cấp cơ sở		

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 2
Biểu TK2-2KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH/NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ (số ngày tháng năm)	Thời gian thực hiện	Tổng kinh phí đã phê duyệt thực hiện nhiệm vụ									Đơn vị chủ trì
				Nguồn NSNN						Nguồn khác			
				Tổng số	Tổng số	Đã bố trí đến hết năm 2021	Dự kiến năm 2022	Số còn lại	Số đã thực hiện năm trước	Dự kiến thực hiện trong năm 2022			
A	B	I	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9	10		
	Tổng cộng			176.215,8	96.787	33.615,4	32.315	30.856	23.325	30.998,6			
1	Nhiệm vụ chuyển tiếp sang năm 2022			147.415,8	67.987	33.615,4	24.315	10.056	23.325	30.998,6			
1	Đề tài: Nghiên cứu sinh sản nhân tạo và nuôi thử nghiệm thương phẩm cá bông cải sông (Glossogobius sparsipapillus) tỉnh Quảng Ngãi	Quyết định số 970/QĐ-UBND ngày 26/6/2019	7/2019-6/2021 (Gia hạn đến tháng 6/2022)	1.610	1.410	1.410	-		200	-	Trung tâm gia công thủy sản nước ngọt miền Trung		
2	Dự án: Ứng dụng khoa học và công nghệ tuyển chọn, nhân giống và phát triển chăn nuôi gà thả đồi an toàn tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi	Quyết định số 1256 /QĐ-UBND ngày 03/9/2019	9/2019-9/2022	7.386,50	2.460	2.091	369	-	4.000	927	UBND huyện Sơn Hà		
3	Đề tài: Thực nghiệm mô hình trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm Sacha inchi (Plukenetia volubilis) theo chuỗi giá trị tại huyện Ba Tơ và Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi		9/2019-3/2022	5.295,642 667	1.820	1.820		-	2.500	976	Công ty TNHH KH&CN Nông Tin		
4	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình	Quyết định số	10/2019-10/2022	8.335	2.157	1.818	339	-	4.500	1.678	Trường Đại học Nông Lâm		

	chăn nuôi bền vững cho đoàn viên thanh niên và nông dân xã Trà Phú, huyện Trà Bồng	1464/QĐ-UBND ngày 08/10/2019																Huế
5	Đề tài: Xây dựng mô hình trồng, bảo tồn và phát triển cây dược liệu Báy lá một hoa (Thất diệp nhất chi hoa) (Paris polyphilla) tại 3 huyện (Ba Tơ, Sơn Tây và Trà Bồng) tỉnh Quảng Ngãi		4/2020-9/2022	2.535	1.700	1.280	420	-	835	-								Công ty cổ phần VietRAP đầu tư thương mại
6	Đề tài: Nghiên cứu thực nghiệm mô hình liên kết trồng và tiêu thụ Tam thất bắc (Panax notoginseng (Burk F.H. Chen)) ở một số huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi	Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 15/4/2020	4/2020-9/2022	2.450	1.450	1.000	450	-	800	-								Công ty cổ phần VietRAP đầu tư thương mại
7	Đề tài: "Xây dựng cơ sở dữ liệu 4D phục vụ phát triển du lịch cho huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi".		4/2020 - 4/2022	1.440	1.440	1.348	92	-	-	-								ĐH Huế
5	Đề tài: Nghiên cứu thực nghiệm mô hình trồng và tiêu thụ Đảng sâm, Khôi nhung ở một số huyện miền núi của tỉnh Quảng Ngãi		4/2020 - 4/2023	4.440	2.300	1.500	735	65	-	-								TT NC trồng & chế biến cây thuốc Hà Nội - Viện Dược liệu
9	Đề tài: Điều tra đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất lúa, gạo và một số loại rau chủ yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi		4/2020-4/2022	1.345,8	1.260	1.163	97											TT Ứng dụng và DV KHCN tỉnhQN
10	Dự án: Ứng dụng kỹ thuật mới trong sản xuất Bưởi da xanh và Chuối mốc theo hướng hàng hóa tại huyện miền núi Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi (NTMN)	QĐ số 2839/QĐ-BKHCN ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ KH&CN và QĐ số	07/2019-10/2022	4.054,948	2.610	2.149,422	460,570											Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Sơn Tây

		904/QĐ-UBND ngày 07/6/2019																		
11	Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết bên trong sản xuất lúa giống xác nhân và gạo chất lượng cao đạt tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Quảng Ngãi và khu vực lân cận các tỉnh miền Trung (Thuộc Chương trình NTMN do Bộ KH&CN quản lý)	QĐ số 2247/QĐ-BKHCN ngày 07/8/2019 và QĐ số 530/QĐ-UBND ngày 14/04/2020	5/2020-4/2023	12.000	5.892 (trong đó tỉnh: 932, TW: 4.960)	3.783	1.160	3.490	2.490											Công ty TNHH Lâm nghiệp TBT
12	Đề tài: Nghiên cứu xác định nguyên nhân làm suy giảm năng suất, chất lượng sản và đề xuất giải pháp KH&CN để phát triển sản hiệu quả, bền vững tại tỉnh Quảng Ngãi và vùng phụ cận.	QĐ số 3126/QĐ-BKHCN ngày 28/10/2019 và QĐ số 52/QĐ-UBND ngày 10/01/2019	01/2020-12/2022	4.700	4.150 (trong đó tỉnh: 450, TW: 3.700)	3.242	907	300	1157											Viện nghiên cứu Nông nghiệp và Hóa
13	Dự án: Sản xuất thử nghiệm 02 giống lúa chịu ngập (HL5 và SHPT3) tại Quảng Ngãi và vùng duyên hải Nam Trung Bộ	QĐ số 2926/QĐ-BKHCN ngày 08/10/2019	01/2020-12/2022	4.440	TW: 4.440	3.000	1.440		1.440											Viện Di truyền Nông nghiệp
14	Đề tài: "Nghiên cứu ứng dụng đồng bộ các giải pháp khoa học và công nghệ phục vụ sản xuất, bảo quản và chế biến tỏi Lý Sơn bền vững theo chuỗi giá trị"	QĐ số 2765/QĐ-BKHCN ngày 09/10/2020 và QĐ số 1835/QĐ-UBND ngày 05/12/2020	2021-2024	11.300	8.870 (trong đó tỉnh: 1.130, TW: 7.740)	2.311	4.596	1.963	4.596											Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tin
15	Dự án: Ứng dụng đồng bộ các giải pháp khoa học và công nghệ phát triển sản phẩm chè Trà Nham (xã Hương Trà)			3.900	3.000	800	1.500	700	1.500											Công ty CP TM&ĐT VietRap

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 2
Biểu TK2-3

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KH&CN NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Tên Dự án/ công trình	Cơ sở pháp lý (QĐ phê duyệt)	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện		Kinh phí		
					Khởi công	Hoàn thành	Tổng vốn đầu tư được duyệt	Kinh phí được phân bổ lũy kế hết năm 2020	Kế hoạch vốn năm 2022
	Dự án mới								
1	Văn phòng hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi			160 Lê Trung Đình, TP Quảng Ngãi			25.000	0	20.000
2	Đầu tư nâng cao năng lực hoạt động Trại Nghiên cứu thực nghiệm và Chuyển giao công nghệ	Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 12/5/2021	Sở KH&CN	Xã Hành Thuận, huyện Nghĩa Hành	2022	2023	10.000	0	8.000
3	Nâng cao năng lực thông tin và thống kê KH&CN			160 Lê Trung Đình, TP Quảng Ngãi			3.000	0	2.000
	Tổng cộng						25.000	0	20.000

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Phụ lục 2
Biểu TK2-5

DỰ KIẾN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 2022

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	KINH PHÍ TW THÔNG BÁO NĂM 2021	KINH PHÍ UBND TỈNH, TP PHÊ DUYỆT 2021	KINH PHÍ THỰC HIỆN NĂM 2021	KINH PHÍ DỰ KIẾN NĂM 2022
I	Kinh phí sự nghiệp KH&CN	30.455	29.519	29.519	48.078
1	Kinh phí nhiệm vụ KH&CN cấp Quốc gia chuyển tiếp cấp về địa phương quản lý (chi tiết theo từng nhiệm vụ)			0	0
2	Chi nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh		26.794	26.794	32.315
3	Chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng		1.030	1.030	1.868
4	Chi hoạt động KH&CN phục vụ quản lý nhà nước		1.695	1.695	8.335
	<i>Hoạt động Tiêu chuẩn-Đo lường-Chất lượng</i>		300	300	2.240
	<i>Sở hữu trí tuệ</i>		15	15	1.605
	<i>Thông tin và thống kê KH&CN</i>				
	<i>Phát triển ứng dụng năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân</i>		300	300	70
	<i>Đào tạo, tập huấn</i>		0	0	0
	<i>Đánh giá, thẩm định, giám định và CGCN</i>		200	200	3.240
	<i>Thanh tra KH&CN</i>		150	150	195
	<i>Hợp tác quốc tế</i>				
	<i>Chi khác (khởi nghiệp ĐMST)</i>		730	730	985
	<i>Thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động KH&CN</i>		0	0	0
5	Chi hoạt động KH&CN cấp huyện		0	0	0
6	Chi các đơn vị sự nghiệp		0	0	0
7	Chi tăng cường tiềm lực, chống xuống cấp ^(*)		0	0	5.560
8	Chi khác		0	0	0
II	Kinh phí đầu tư phát triển		150	150	20.000
1	Văn phòng hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi		50	50	10.000
2	Đầu tư nâng cao năng lực hoạt động Trại Nghiên cứu		50	50	8.000

	thực nghiệm và Chuyên gia công nghệ				
3	Nâng cao năng lực thông tin và thống kê KH&CN		50	50	2.000
	<i>Tổng số</i>		<i>29.669</i>	<i>29.669</i>	<i>68.078</i>

(*) Sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi: 5.560 triệu đồng